

BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN
TRƯỜNG CAO ĐẲNG CƠ ĐIỆN XÂY DỰNG VIỆT XÔ
KHOA CÔNG NGHỆ THÔNG TIN VÀ NGOẠI NGỮ

GIÁO TRÌNH
MÔ ĐUN: THIẾT KẾ WEBSITE
NGHỀ: THIẾT KẾ ĐỒ HỌA
TRÌNH ĐỘ TRUNG CẤP



TUYÊN BỐ BẢN QUYỀN

Tài liệu này thuộc loại sách giáo trình nên các nguồn thông tin có thể được phép dùng nguyên bản hoặc trích dùng cho các mục đích về đào tạo và tham khảo.

Mọi mục đích khác mang tính lệch lạc hoặc sử dụng với mục đích kinh doanh thiếu lành mạnh sẽ bị nghiêm cấm.

TaiLieu.vn

LỜI GIỚI THIỆU

Chương trình khung quốc gia nghề Thiết kế đồ họa đã được xây dựng trên cơ sở phân tích nghề, phân kỹ thuật nghề được kết cấu theo các môđun, môn học. Để tạo điều kiện thuận lợi cho các cơ sở dạy nghề trong quá trình thực hiện, việc biên soạn giáo trình kỹ thuật nghề theo các môđun, môn học đào tạo nghề là cấp thiết hiện nay.

Thiết kế website là môđun đào tạo nghề được biên soạn theo hình thức tích hợp lý thuyết và thực hành. Trong quá trình thực hiện, nhóm biên soạn đã tham khảo nhiều tài liệu thiết kế và lập trình web trong và ngoài nước, kết hợp với kinh nghiệm trong thực tế sản xuất.

Mặc dầu có rất nhiều cố gắng, nhưng không tránh khỏi những khiếm khuyết, rất mong nhận được sự đóng góp ý kiến của độc giả để giáo trình được hoàn thiện hơn.

MỤC LỤC

BÀI 1: TỔNG QUAN VỀ WWW-NGÔN NGỮ HTML	10
1. Lịch sử WWW.....	13
1.1. Giới thiệu WWW	13
1.2. Giao thức trong WWW	14
2. Nhập môn ngôn ngữ HTML	30
2.1. Giới thiệu HTML	30
2.2. Cấu trúc cây HTML cơ bản.....	30
2.3. Các thẻ cơ bản trong HTML	31

2.3.3. Thẻ căn chỉnh nội dung	33
2.3.4. Liên kết.....	33
2.3.5. Thẻ ảnh.....	34
2.3.6. Bảng.....	34
2.3.7. Form	34
2.4. Multimedia, video	44
BÀI 2: KHÁI QUÁT CHUNG THIẾT KẾ WEBSITE	46
1. Tổng quan.....	46
1.1. Website là gì ?	46
1.2. Tại sao doanh nghiệp của tôi lại cần website?	46
1.3. Lợi ích khi có website?	48
1.4. Để website hoạt động, cần những gì?	50
1.5. Quy trình thiết kế website?	50
1.6. Cần chuẩn bị những gì?.....	50
1.7. Thời gian & chi phí cần đầu tư cho 1 website?.....	50
1.8. Các yêu cầu tối thiểu của 1 Website?	51
1.9. Tên miền là gì?	51
2. Phân loại website.....	52
3. Bố cục giao diện Web	53
4. Các mô hình thiết kế Web	56
4.1. Cửa hàng, siêu thị điện tử.....	56
4.2. Đấu giá trực tuyến (online auction)	56
4.3. Sàn giao dịch B2B.....	56
4.4. Cổng thông tin portal	56
4.5. Mô hình giá động (dynamic pricing models).....	56
4.6. Website thông tin phục vụ việc quảng bá, quảng bá.....	57
4.7. Website giới thiệu thông tin của doanh nghiệp.....	57
5. Các bước thiết kế một trang web	57
BÀI 3: PHẦN MỀM MACROMEDIA DREAMWEAVER	61
1. Giới thiệu về MacroMedia Dreamweaver.....	61
1.1. Dreamweaver là gì?.....	61
1.2. Tính năng Dreamweaver	62
1.3. Cài đặt.....	62
1.4. Kích hoạt và sử dụng Dreamweaver CS6	67
2. Trang và văn bản trên trang	70
2.1. Giới thiệu CSS.....	70
2.2. Các lệnh cơ bản trong CSS	73
2.3. Class và id	82
2.4. Các thuộc tính khác.....	84
3. Bảng biểu (Table) và trang khung (Frame).....	101
3.1. Bảng biểu (Table).....	101
3.2. Các trang khung (IFRAME).....	114
4. Multimedia trên trang web	116

4.1. Multimedia là gì?	116
4.2. Trình duyệt hỗ trợ	116
5. Các yếu tố động trên trang	116
6. Khung nhập – Form.....	116
6.1. Định nghĩa và sử dụng	116
6.2. Cấu trúc	117
6.3. Ví dụ	117
6.4. Thuộc tính	117
7. Liên kết.....	120
7.1. Tạo thẻ liên kết.....	120
7.2. Liên kết neo (Anchor Link).....	121
BÀI 4: XÂY DỰNG WEB ĐỘNG VỚI NGÔN NGỮ MÃ NGUỒN MỞ	122
1. Tổng quan về Ngôn ngữ mã nguồn mở.....	122
1.1. Giới thiệu mã nguồn mở	122
2. Thao tác trên các ngôn ngữ mã nguồn mở	125
2.1. Web server.....	125
2.2. Wordpress.....	135
3. Xử lý trên web mã nguồn mở.....	152
3.1. Cách đăng một Post mới	152
3.2. Ý nghĩa các chức năng trong trang tạo Post.....	161
3.3. Cách tạo Page trong WordPress	170
3.4. Menu trong WordPress	187
3.5. Theme trong WordPress.....	194
3.6. Plugin.....	200
3.7. Quản trị người dùng (users) trên WordPress	209
BÀI TẬP MỞ RỘNG	217
TÀI LIỆU THAM KHẢO	222

MÔ ĐUN: THIẾT KẾ WEBSITE

Mã mô đun: MĐ 18

Thời gian thực hiện mô đun: 90 Giờ; (Lý thuyết: 27 giờ; Thực hành: 60 giờ; Kiểm tra: 3 giờ)

I. Vị trí tính chất mô đun:

- Vị trí: Mô đun được bố trí sau khi sinh viên học xong các môn học chung, các môn cơ sở chuyên ngành đào tạo chuyên môn nghề.
- Tính chất: Là mô đun chuyên môn nghề

II. Mục tiêu mô đun:

- Về kiến thức
 - + Trình bày được cấu trúc của một Website;
 - + Trình bày được quy trình xây dựng và phát triển Website;
 - + Trình bày được các vấn đề liên quan đến an toàn và bảo mật Website.
- Về kỹ năng: Tạo được Website dựa trên các ngôn ngữ HTML, CSS, Javascríp, XML...;
- Về năng lực tự chủ và trách nhiệm
 - + Biết sử dụng các kiến thức về đồ họa để thiết kế các trang Web.
 - + Cần cù, chủ động trong học tập, đảm bảo an toàn trong học tập.

III. Nội dung mô đun:

1. Nội dung tổng quát và phân phối thời gian:

Số TT	Tên chương mục	Thời gian			
		Tổng số	Lý thuyết	Thực hành, thí nghiệm, thảo luận, Bài tập	Kiểm tra
1	Bài 1: Tổng quan về WWW-Ngôn ngữ HTML	4	2	2	
	1. Lịch sử www	1	1	0	
	2. Nhập môn ngôn ngữ HTML	3	1	2	
2	Bài 2: Khái quát chung thiết kế Website	8	4	4	
	1. Tổng quan	1	1	0	
	2. Phân loại Website	1	1	0	
	3. Bố cục website	2	1	1	
	4. Các mô hình thiết kế Web	2	1	1	
	5. Các bước thiết kế một trang web	2	1	1	
3	Bài 3: Phần mềm MacroMedia Dreamweaver	34	7	26	1
	1. Giới thiệu về MacroMedia Dreamweaver	2	1	1	

	2. Trang và văn bản trên trang	4	1	3	
	3. Bảng biểu (Table) và trang khung (Frame)	4	1	3	
	4. Multimedia trên trang web	8	1	7	
	5. Các yếu tố động trên trang	4	1	4	
	6. Khung nhập – Form	8	1	7	
	7. Liên kết	4	1	3	1
4	Bài 4: Xây dựng Web động với ngôn ngữ mã nguồn mở	44	14	28	2
	1. Tổng quan về Ngôn ngữ mã nguồn mở	4	4	0	
	2. Thao tác trên các ngôn ngữ mã nguồn mở	15	4	10	1
	3. Xử lý trên web mã nguồn mở	35	5	30	1
	Cộng	90	27	60	3

* Ghi chú: Thời gian kiểm tra được tích hợp giữa lý thuyết với thực hành được tính vào giờ thực hành

2. Nội dung chi tiết

Bài 1: Tổng quan về WWW-Ngôn ngữ HTML

Thời gian: 4 giờ

* Mục tiêu của bài:

- Trình bày được lịch sử của WWW;
- Trình bày được cấu trúc của một trang HTML.

* Nội dung của bài:

1. Lịch sử www
2. Nhập môn ngôn ngữ HTML

Bài 2: Khái quát chung thiết kế Website

Thời gian: 8 giờ

* Mục tiêu của bài:

- Trình bày được yêu cầu và thiết kế được giao diện;
- Xác định được nguồn tài nguyên thông tin;
- Biết cách tổ chức được thông tin trong trang chủ;
- Có khả năng phân tích được cấu trúc của một site.

* Nội dung của bài:

1. Tổng quan
2. Phân loại Website
3. Bố cục website
4. Các mô hình thiết kế Web
5. Các bước thiết kế một trang web

Bài 3: Phần mềm MacroMedia Dreamweaver

Thời gian: 34 giờ

* Mục tiêu của bài:

- Trình bày được các chế độ hiển thị một trang Web
- Đưa được một File vào Web

- Tạo được các bảng biểu và các Frame
- Tạo được ứng dụng bảng liên kết trang Web
- Xây dựng được các ứng dụng Multimedia
- Sử dụng tốt các công cụ hỗ trợ thiết kế Web

** Nội dung của bài:*

1. Giới thiệu về MacroMedia Dreamweaver
2. Trang và văn bản trên trang
3. Bảng biểu (Table) và trang khung (Frame)
4. Multimedia trên trang web
5. Các yếu tố động trên trang
6. Khung nhập – Form
7. Liên kết

Bài 4: Xây dựng Web động với ngôn ngữ mã nguồn mở Thời gian: 44 giờ

** Mục tiêu của bài:*

- Cài đặt, cấu hình được IIS và Xampp
- Sử dụng tốt Joomla, Drupal, nukeviet....
- Sử dụng tốt các đối tượng, tiện ích của ngôn ngữ mã nguồn mở

** Nội dung của bài:*

1. Tổng quan về Ngôn ngữ mã nguồn mở
2. Thao tác trên các ngôn ngữ mã nguồn mở
3. Xử lý trên web mã nguồn mở

IV. Điều kiện thực hiện mô đun:

1. Phòng học chuyên môn hóa/ Nhà xưởng:
Phòng học đủ điều kiện để thực hiện mô đun.
2. Trang thiết bị máy móc:
Máy chiếu(nếu có)
Giấy A4, các loại giấy
Các hình vẽ ví dụ minh họa
Máy tính
3. Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu:
Bộ tranh bằng giấy phim trong dùng để dạy mô đun Thiết Kế Web
Tài liệu hướng dẫn mô đun Thiết kế Web
Tài liệu hướng dẫn bài học và bài tập thực hành mô đun Thiết kế Web.
Giáo trình Mô đun Thiết kế Web
4. Các điều kiện khác
Phần mềm ứng dụng Microsoft office.
Bảng đen.

V. Nội dung và phương pháp đánh giá:

1. Nội dung

- Kiến thức:

Được đánh giá qua bài kiểm tra viết, trắc nghiệm đạt được các yêu cầu sau:

Định hướng được kết cách thiết kế Web site

Biết cách tổ chức thông tin trên trang chủ

Có khả năng thiết kế được giao diện
Có khả năng xác định được nguồn tài nguyên thông tin
Biết cách tổ chức được thông tin trong trang chủ
Có khả năng phân tích được cấu trúc của một site
- Kỹ năng

Đánh giá kỹ năng thực hành của sinh viên trong bài thực hành Thiết kế Web đạt được các yêu cầu sau:

Có khả năng đưa một File vào Web
Có khả năng tạo được các bảng biểu và các Frame
Cài đặt, cấu hình được IIS và ASP

Sử dụng tốt các đối tượng, tiện ích của ASP
Xây dựng được các ứng dụng Multimedia
Sử dụng tốt các công cụ hỗ trợ thiết kế Web

- Năng lực tự chủ và trách nhiệm: Cần cù, chủ động trong học tập, đảm bảo an toàn trong học tập.

2. Phương pháp:

Kiểm tra định kỳ, kiểm tra thường xuyên và kiểm tra kết thúc mô đun qua bài tự luận, trắc nghiệm, bài tập thực hành và thái độ trong quá trình học mô đun..

VI. Hướng dẫn thực hiện mô đun:

1. Phạm vi áp dụng chương trình:

Chương trình mô đun được sử dụng để giảng dạy nghề Thiết kế đồ họa trình độ cao đẳng.

2. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập mô đun:

Đối với giáo viên: Sử dụng phương pháp dạy học trực quan, giảng giải, giải thích, hướng dẫn mẫu, theo dõi, uốn nắn.

Đối với sinh viên:

Sinh viên trao đổi với nhau, thực hiện các bài thực hành, rèn luyện để hình thành kỹ năng.

Thực hiện các bài tập thực hành được giao.

3. Những trọng tâm cần chú ý

- Trọng tâm của môn học là các bài : 1,2,3.

4. Tài liệu cần tham khảo

Xây dựng website bằng ngôn ngữ mã nguồn mở

BÀI 1: TỔNG QUAN VỀ WWW-NGÔN NGỮ HTML

Mã bài: MĐ 18 – 01.

Giới thiệu:

Bài học này nhằm giới thiệu sơ lược về lịch sử của World Wide Web (www), URL, về giao thức HTTP và ngôn ngữ phổ biến được dùng bởi World Wide Web là HTML (*Hyper Text Markup Language*), *Internet* và *dịch vụ Web*, *môi trường tạo Web*, *trang web tĩnh web động* và *các công cụ tạo Web*.

Mục tiêu:

- Hiểu và trình bày được các khái niệm và thuật ngữ cơ bản trong ngành thiết kế website;
- Hiểu và trình bày được lịch sử của WWW;
- Hiểu và trình bày được cấu trúc của một trang HTML.

Nội dung chính

❖ Các khái niệm và thuật ngữ

Internet là gì?

Internet là một hệ thống thông tin toàn cầu có thể được truy nhập công cộng gồm các mạng máy tính được liên kết với nhau. Hệ thống này truyền thông tin theo kiểu nối chuyển gói dữ liệu (packet switching) dựa trên một giao thức liên mạng đã được chuẩn hóa (giao thức IP). Hệ thống này bao gồm hàng ngàn mạng máy tính nhỏ hơn của các doanh nghiệp, của các viện nghiên cứu và các trường đại học, của người dùng cá nhân và các chính phủ trên toàn cầu.

Lợi ích của Internet

Internet có rất nhiều lợi ích đối với cuộc sống thường ngày:

- Đọc báo, xem tin tức Online
- Lướt Facebook, xem phim, nghe nhạc trực tuyến
- Gửi nhận Mail, tìm kiếm thông tin trên mạng
- Mua bán, học tập, thậm chí chữa bệnh qua mạng
- ...

Nói tóm lại, Internet mang lại CỰC KỲ tiện ích cho con người, nó cung cấp một khối lượng thông tin Khổng Lồ. Các cách thức thông thường để truy cập Internet là quay số, băng rộng, không dây, vệ tinh và qua điện thoại cầm tay.

Dịch vụ Internet

- *Web, E-Mail, FTP, hội thoại*

Website - *trang web, trang mạng*, là một tập hợp trang web, thường chỉ nằm trong một tên miền hoặc tên miền phụ trên World Wide Web của Internet. Một trang web là tập tin HTML hoặc XHTML có thể truy nhập dùng giao thức HTTP. Website có thể được xây dựng từ các tệp tin HTML

(website tĩnh) hoặc vận hành bằng các CMS chạy trên máy chủ (website động). Website có thể được xây dựng bằng nhiều ngôn ngữ lập trình khác nhau (PHP, .NET, Java, Ruby on Rails...).

Email - *Thư điện tử* (từ chữ *Electronic mail*) là một hệ thống chuyên nhận thư từ qua các mạng máy tính.

Email là một phương tiện thông tin rất nhanh. Một mẫu thông tin (thư từ) có thể được gửi đi ở dạng mã hoá hay dạng thông thường và được chuyển qua các mạng máy tính đặc biệt là mạng Internet. Nó có thể chuyển mẫu thông tin từ một máy nguồn tới một hay rất nhiều máy nhận trong cùng lúc.

Ngày nay, email chẳng những có thể truyền gửi được chữ, nó còn có thể truyền được các dạng thông tin khác như hình ảnh, âm thanh, phim, và đặc biệt các phần mềm thư điện tử kiểu mới còn có thể hiển thị các email dạng sống động tương thích với kiểu tệp HTML.

FTP (*File Transfer Protocol - Giao thức truyền tập tin*) thường được dùng để trao đổi tập tin qua mạng lưới truyền thông dùng giao thức TCP/IP (chẳng hạn như Internet - mạng ngoại bộ - hoặc intranet - mạng nội bộ). Hoạt động của FTP cần có hai máy tính, một máy chủ và một máy khách). **Máy chủ FTP**, dùng chạy phần mềm cung cấp dịch vụ FTP, gọi là trình chủ, lắng nghe yêu cầu về dịch vụ của các máy tính khác trên mạng lưới. **Máy khách** chạy phần mềm FTP dành cho người sử dụng dịch vụ, gọi là trình khách, thì khởi đầu một liên kết với máy chủ. Một khi hai máy đã liên kết với nhau, máy khách có thể xử lý một số thao tác về tập tin, như tải tập tin lên máy chủ, tải tập tin từ máy chủ xuống máy của mình, đổi tên của tập tin, hoặc xóa tập tin ở máy chủ v.v. Vì giao thức FTP là một giao thức chuẩn công khai, cho nên bất cứ một công ty phần mềm nào, hay một lập trình viên nào cũng có thể viết trình chủ FTP hoặc trình khách FTP. Hầu như bất cứ một nền tảng hệ điều hành máy tính nào cũng hỗ trợ giao thức FTP. Hiện nay trên thị trường có rất nhiều các trình khách và trình chủ FTP, và phần đông các trình ứng dụng này cho phép người dùng được lấy tự do, không mất tiền.

● *Gopher, News Group, Newsletter và Các dịch vụ phổ biến khác*

Gopher là dịch vụ tương đối mới của Internet, Gopher cho phép truy nhập thông tin trên Internet theo thực đơn. Thông tin trên Gopher có thể là văn bản hay đồ họa.

Newsgroup Nhóm thảo luận : Dịch vụ cho phép nhóm người dùng trao đổi, san sẻ ý tưởng và truyền đạt thông tin với những người đồng ý nghĩ về một đề tài mà tất cả các thành viên của nhóm đều quan tâm.

Usenet Tập hợp vài ngàn nhóm thảo luận (Newsgroup) trên Internet. Những người tham gia vào Usenet sử dụng một chương trình đọc tin (NewsReader) để đọc các thư của người khác, gửi thư của mình cũng như trả lời các thư khác trong Usenet.

Mailing List (danh sách thư tín) là danh sách địa chỉ thư điện tử của một nhóm người có nhu cầu chia sẻ các ý tưởng với những người cùng quan điểm. Chỉ cần gửi một bức thư đến địa chỉ một người trong mailing list, thì tất cả những người có tên trong danh sách thư đều nhận được và sự hồi đáp thư cũng diễn ra tương tự. Hai điểm khác biệt cơ bản giữa mailing list và newsgroup là:

- Trong mailing list, các thư đến được gửi trực tiếp vào trong hộp thư của bạn, vì thế hộp thư của bạn có khả năng bị đầy một cách nhanh chóng, với Newsgroup thì không gặp tình trạng này.
- Với Newsgroup, bất cứ một người nào trong nhóm cũng có thể xem các thông tin của nhóm, còn mailing List mang tính cá nhân và những người khác không thể xem các thông tin của người đó được.

Mailing List là cách đơn giản để tìm kiếm các thông tin thích hợp và cập nhật thường xuyên các chủ đề thú vị mà bạn quan tâm.

Telnet (Telephone Internet) Là dịch vụ cho phép đăng nhập vào các máy trên mạng như một thiết bị đầu cuối (terminal). Chương trình Telnet thực hiện kết nối giữa máy tính của người dùng đến một máy tính khác trên Internet để khai thác các tài nguyên hoặc để điều khiển hoạt động của máy tính đó. Để sử dụng Telnet, bạn cần phải có tài khoản truy cập với tên người sử dụng (username) và mật khẩu (password) do người quản trị hệ thống cấp phát

VoIP (Voice over Internet Protocol) Kỹ thuật chuyển tải giọng nói qua giao thức Internet, hay còn gọi là Điện thoại Internet. Lợi ích to lớn của công cụ VoIP là có thể gọi điện thoại hoặc gửi Fax đi nước ngoài nhưng chỉ phải trả giá cước điện thoại nội hạt. Để sử dụng dịch vụ VoIP, đòi hỏi bạn phải có những kiến thức nhất định về tin học và máy tính, phải có phần mềm hỗ trợ dịch vụ và đặc biệt là phải được IAP, ISP nơi bạn sử dụng Internet mở cổng cho dịch vụ này.

Dịch vụ điện thoại ở Việt Nam đã được Viettel (Công ty khai thác viễn thông của Quân Đội) và VNPT (Tổng công ty Bưu chính Viễn thông Việt Nam) đưa vào khai thác. Dịch vụ 178 của Viettel giúp tiết kiệm 43% chi phí

điện thoại truyền thông khi thực hiện các cuộc đàm thoại đường dài (liên tin hoặc quốc tế). Tương tự Viettel, dịch vụ VoIP 171 là dịch vụ điện thoại đường dài sử dụng giao thức Internet của Tổng công ty Bưu chính Viễn thông Việt Nam (VNPT).

VIDEO CONFERENCE (hội nghị truyền hình, hội nghị hình đàm, Hội nghị từ xa...). Dịch vụ giúp những người ở các vị trí địa lý khác nhau có thể trò chuyện và nhìn thấy nhau thông qua một phong ảo, nơi mọi người gặp gỡ và trao đổi với nhau các thông tin cần thiết. Ví dụ, khi tiến hành hội nghị khoa học từ xa, có thể triệu tập nhiều nhà khoa học thuộc nhiều quốc gia trên thế giới cùng họp mà các nhà khoa học đó không cần thiết phải rời khỏi nơi cư trú.

Với dịch vụ Video Conference, chúng ta có thể thực hiện các hội nghị, hội thảo từ xa; điều hành, giao ban từ xa; giới thiệu sản phẩm từ xa, chuẩn đoán bệnh từ xa... Đây còn là dịch vụ cho các gia đình hay tập thể muốn truyền các hình ảnh vào những dịp cưới hỏi, ma chay, các lễ kỷ niệm... đến người thân ở xa.

WAP (Wireless Application Protocol) Giao thức ứng dụng không dây, được hình thành trong khoảng mười năm trở lại đây. WAP là một hệ thống thông tin di động toàn cầu (GSM – Global System for Mobile Communications) tiện lợi cho người sử dụng điện thoại di động và những người có nhu cầu kết nối vào Internet thông qua điện thoại di động.

1. Lịch sử WWW

1.1. Giới thiệu WWW

Ngày nay người ta dùng máy tính như một công cụ rất hữu ích để truy cập Internet, chủ yếu là tìm kiếm thông tin. Thông tin này có thể là văn bản, hình ảnh, âm thanh hay thông tin đa phương tiện...

Nhu cầu tìm kiếm thông tin ngày càng nhiều đã đưa ra vấn đề: làm thế nào để dùng máy tính truy cập Internet như một công cụ phục vụ đắc lực cho việc tra cứu, tìm kiếm thông tin trên mạng thông tin rộng lớn nhất toàn cục.

Vấn đề trên trở nên dễ dàng hơn bởi ý tưởng siêu văn bản (Hypertext) – văn bản thông minh nhà tin học Ted Nelson đề xuất vào năm 1965. Đến 1989, dự án chính thức được thực hiện bởi một kỹ sư trẻ người Anh tên là Tim Berners – Lee.

World Wide Web (www) là một mạng các tài nguyên thông tin. WWW dựa trên 3 cơ chế để các tài nguyên trở nên sẵn dùng cho người xem càng rộng rãi nhất càng tốt, đó là:

- Cơ chế đặt tên cùng dạng đối với việc định dạng các tài nguyên trên WWW (như các URL).
- Các giao thức, để truy cập tới các tài nguyên qua WWW (như HTTP).
- Siêu văn bản, để dễ dàng chuyển đổi giữa các tài nguyên (như HTML).

1.2. Giao thức trong WWW

1.2.1. Các giao thức của Website

- Một giao thức là một tập hợp các quy luật cho phép các thiết bị điện toán giao tiếp với nhau.
- Giao thức được sử dụng để yêu cầu các trang Web từ máy chủ Web là giao thức truyền tải siêu văn bản (HTTP: HyperText Transfer Protocol).
- Các trình duyệt hỗ trợ các giao thức để làm việc.
- Giao thức truyền tải tệp tin (FTP: File Transfer Protocol) là giao thức được sử dụng phổ biến để truyền tải các tệp tin có kích thước lớn giữa máy tính của người sử dụng và một loại máy chủ đặc biệt được gọi là máy chủ FTP.
- Nếu bạn muốn sử dụng trình duyệt Web để truy cập vào máy chủ FTP để truyền tải một tệp tin, bạn cần xác định giao thức ftp trong thanh địa chỉ của trình duyệt Web: ví dụ như <ftp://aeneas.mit.edu>.

❖ Quy trình xây dựng Website

Để xây dựng Website cần trải qua 1 số bước cơ bản sau:

- Xác định giao diện, đặc tính cần thiết của website
- Chọn tên miền, hosting cho website
- Tiến hành thiết kế website
- Chạy thử, fix lỗi, hoàn thiện
- Lên kế hoạch điều hành, phát triển website
- Bảo trì, cập nhật website thường xuyên

❖ Trình duyệt Web

Khái niệm trình duyệt Web.

Trình duyệt web là một ứng dụng phần mềm để truy cập thông tin trên WWW. Mỗi trang web, hình ảnh và video riêng lẻ được xác định bằng một URL riêng biệt, cho phép các trình duyệt truy xuất và hiển thị chúng trên thiết bị của người dùng.

Trình duyệt web đọc định dạng HTML để hiển thị, do vậy một trang web có thể hiển thị khác nhau trên các trình duyệt khác nhau.

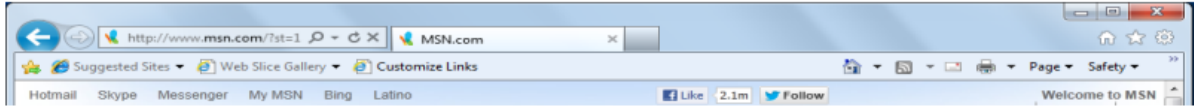
Các trình duyệt Web

Internet Explorer, Mozilla Firefox, Safari, Google Chrome, Opera, Avant browser, Maxthon, Konqueror, Lynx, Flock, Arachne, Epiphany, K-Meleon, Midori và AOL Explorer.

Một số trình duyệt web hiện nay cho Điện thoại di động bao gồm: Mozilla Firefox, Safari, Google Chrome, Opera, UCWeb.

- **Microsoft Internet Explorer**

- Được phát triển bởi Microsoft năm 1995 IE trở thành trình duyệt phổ biến vì được tích hợp sẵn trong HĐH Windows



- **Mozilla Firefox**

- Được phát triển bởi Mozilla Corporation và Mozilla Foundation vào năm 2004 là trình duyệt mã nguồn mở và được tải miễn phí.



- **Google Chrome**

- Được phát triển và ổn định năm 2008 do Google phát triển.



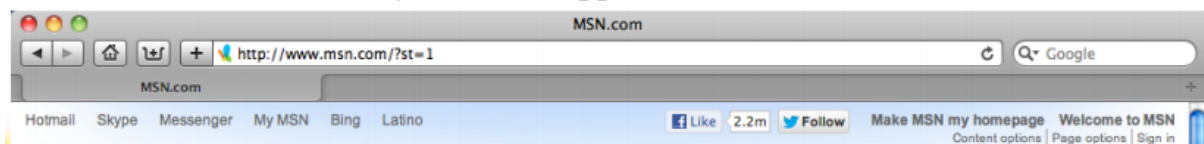
- **Opera**

- Là sản phẩm riêng của Opera Software được giới thiệu vào năm 1994.



- **Safari**

- Trình duyệt này được thiết kế cho máy tính Apple và được sử dụng phổ biến nhất cho các thiết bị di động của Apple.



Các chức năng của trình duyệt

- Truy xuất và hiển thị các trang Web, cho phép các bạn điều hướng trên World Wide Web, chơi các tệp tin đa phương tiện, và hỗ trợ mã hóa để cho phép các trang Web bảo mật thực hiện các giao dịch.

- **Địa chỉ**

- Khi bạn nhập địa chỉ Web site vào thanh địa chỉ, trình duyệt gửi một yêu cầu tới máy chủ Web thích hợp.

- Máy chủ nhận yêu cầu, truy xuất vào các trang Web thích hợp, và sau đó gửi chúng lại tới trình duyệt của bạn.

- Trình duyệt sau đó sẽ định dạng và hiển thị các trang Web bên trong cửa sổ trình duyệt.
- Bạn có thể ghé thăm bất kỳ trang Web nào bằng cách nhập URL của nó vào thanh địa chỉ và nhấn ENTER (hoặc Go)



Search Bạn có thể tìm kiếm trực tiếp từ thanh địa chỉ. Nhấp chuột vào nút (Search) và sau đó nhập thuật ngữ bạn muốn tìm kiếm và nhấn ENTER để xem danh sách các Web site liên quan đến thuật ngữ tìm kiếm của bạn..

Show Nhấp chuột vào nút (Show Address) để hiển thị lịch sử gồm:
Address: Nhấp chuột vào nút (Show Address) để hiển thị lịch sử gồm URL của các trang Web đã ghé thăm trước đây.
Refresh/Go: Nhấp chuột vào nút (Refresh) để hiển thị lại hoặc làm mới nội dung của trang Web hiện tại. Nhấp chuột vào (Go to) sau khi nhập địa chỉ trang Web để đi tới trang đó.
Stop: Nhấp chuột vào nút (Stop) để ngăn việc tải thông tin của một trang Web. Nhấp chuột vào nút Stop chỉ có ảnh hưởng khi trang Web đang được tải

➤ **Tải thông tin lên (Uploading) và Tải thông tin xuống (Downloading)**

- Downloading là quá trình sao chép tệp tin từ máy chủ trên Internet về máy tính của bạn.
- Uploading là quá trình gửi thông tin từ máy tính của bạn tới máy chủ.
- Hầu hết mọi người tải thông tin xuống nhiều hơn là tải thông tin lên. Vì vậy, hầu hết các ISP cung cấp dịch vụ cho phép tải thông tin xuống với tốc độ nhanh hơn nhiều so với tải thông tin lên.
 - Dòng thông tin tải xuống (tải xuống) — Dữ liệu di chuyển trong dòng thông tin tải xuống khi đến vị trí của bạn từ máy chủ Web. Người dùng có thể mua dịch vụ DSL với tốc độ tải dữ liệu 8, 12, hoặc 24 Mbps.
 - Dòng thông tin tải lên (tải lên) — Dữ liệu di chuyển trong dòng thông tin tải lên khi bạn gửi hoặc tải thông tin lên. Người sử dụng có thể mua dịch vụ DSL với tốc độ tải dòng thông tin lên có tốc độ 640 Kbps, 1 Mbps, hoặc 3 Mbps.
- **Siêu liên kết**
 - Siêu liên kết là một tham chiếu tới dữ liệu nằm ở đâu đó khác với vị trí hiện tại. Nó có thể trỏ tới cả tài liệu hoặc tới một thành phần cụ thể trong tài liệu – Có thể được thiết lập cho văn bản; hình ảnh hoặc các biểu tượng, các vùng cụ thể trên đối tượng đồ họa.

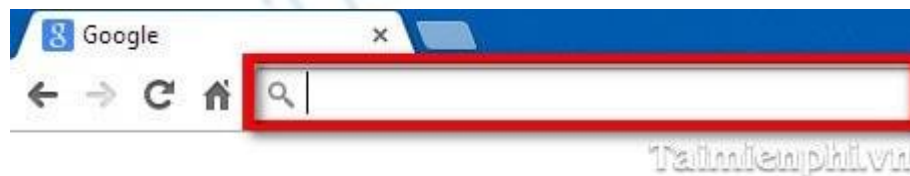
- Trỏ chuột chuyển thành biểu tượng bàn tay , Khi bạn nhấp chuột vào một siêu liên kết, bạn di chuyển đến một trang Web được thiết kế là đích của siêu liên kết đó.
- Trang web đích có thể hiển thị ngay trong cửa sổ trình duyệt hiện tại hoặc ở một thẻ mới khác.
- Các siêu liên kết khác bạn sẽ nhìn thấy trên trang Web được tài trợ bởi các công ty đã trả tiền quảng cáo trên trang Web đó.

❖ Một số thao tác cơ bản với trình duyệt Web

Hướng dẫn này được dùng trên phần mềm Google Chrome

Cách 1: Sử dụng Google để tra cứu thông tin nhanh chóng

Bước 1: Vào thanh địa chỉ của trình duyệt google bằng cách di chuyển con trỏ chuột tới khung và click chuột phải để điền thông tin:



Bước 2: Điền nội dung mong muốn tìm kiếm tại khung địa chỉ của trình duyệt:



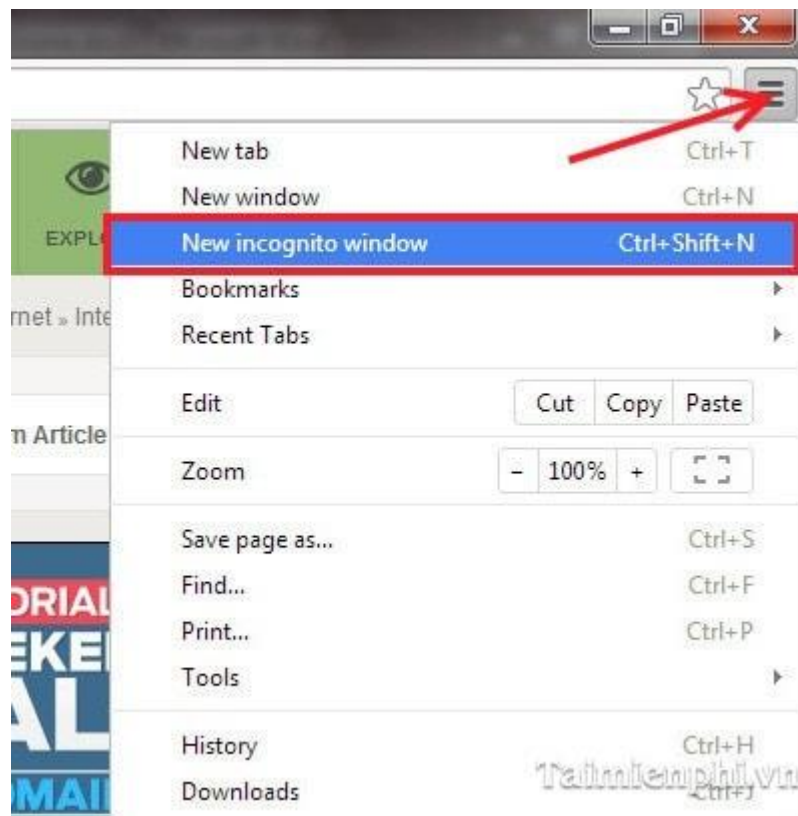
Bước 3: Nhấn **Enter** và bạn sẽ thấy một danh sách liên quan đến nội dung vừa gõ:



Bước 4: Xem nội dung vừa liệt kê bằng cách click con trỏ chuột vào link trên danh sách. Sẽ được chuyển tới 1 trang website cụ thể.

Cách 2: Mở một cửa sổ thực hiện tính năng ẩn danh (Incognito)

Đầu tiên nhấp vào nút 3 vạch đen ở góc trên bên phải trình duyệt.



- Nhấp chọn vào New Incognito Window



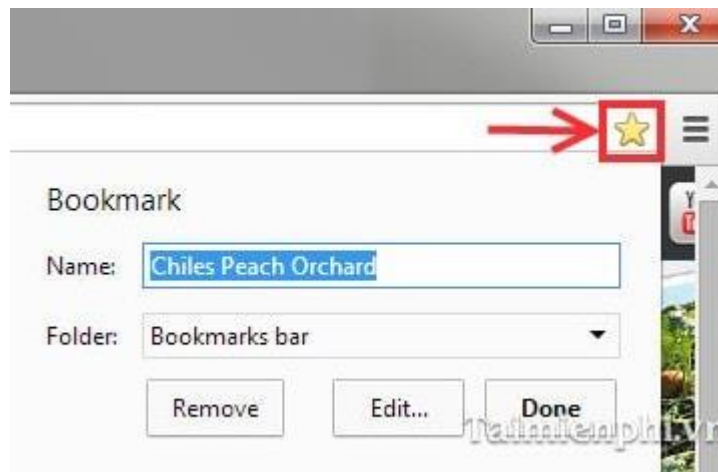
Tính năng ẩn danh là trong những phương pháp ưu việt để giúp người dùng không bị rò rỉ thông tin cá nhân khi lướt web trên trình duyệt Chrome đồng thời nó cũng không lưu bất kỳ thông tin nào vào lịch sử và cache của trình duyệt. Ngoài ra ta có thể thực hiện được điều này ta cần phải sử dụng tới tổ hợp phím Ctrl + Shift + N khi cửa sổ Chrome đang mở.

Cách 3: Đánh dấu trang làm việc yêu thích nhanh chóng

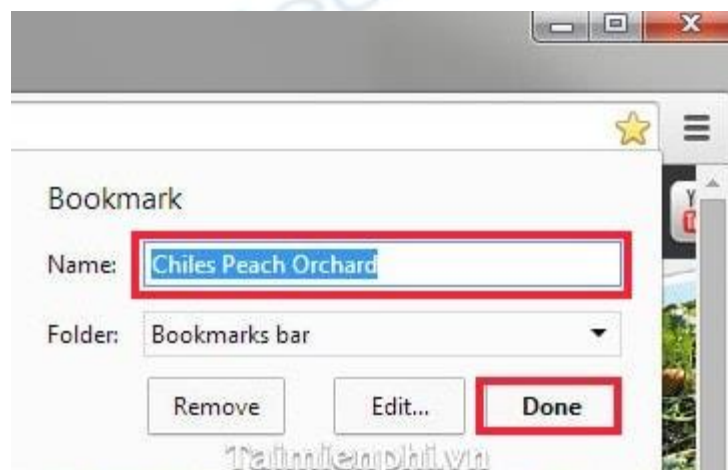
Bước 1: Tới một trang web mà bạn yêu thích để thực hiện đánh dấu bằng cách gõ địa chỉ hoặc điền thông tin để tìm kiếm tới trang này:



Bước 2: Nhấp vào ngôi sao tận cùng bên phải của thanh địa chỉ.



Bước 3: Điền tên khung name hoặc có thể để mặc định để khi bạn muốn Bookmark đi tới và vào xem thông tin -> bấm Enter để lưu trang đánh dấu.



Bước 4: Để cho hiện hoặc ẩn trang đánh dấu song song ngay trên trình duyệt thì ta thực hiện bằng cách nhấp vào biểu tượng 3 vạch đen ở phía trên bên phải của trình duyệt và bấm vào Show bookmark bar hoặc nhấn Ctrl+Shift+ B.

